TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHÚ MỸ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 43/2018/DS-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v: T/c hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Anh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Nhung

2. Bà Phạm Thị Hiền

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Huỳnh Thanh Trà - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/2018/TLST- DS ngày 05/6/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2018/QĐXXST-DS ngày 01/10/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2018/QĐST-DS ngày 15/10/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp X, Y, xã Y, huyện V, tỉnh Yên Bái. (Vắng mặt)

Ông Phạm Văn M, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn X, xã L, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Đức N, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số X Trần Khánh Dư (H20), phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Theo giấy ủy quyền được Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B xác nhận ngày 21/6/2018) (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ X, thôn Đ, xã T, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ X, thôn Đ, xã T, huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/4/2011, ông Lê Văn T và ông Phạm Văn M có cho ông Nguyễn Đức L vay số tiền 75.400.000 đồng, khi vay hai bên có lập giấy mượn tiền viết tay và ký xác nhận, ông L có thế chấp một cuốn sổ lưu hành và giấy đăng ký xe

ô tô mang BKS 53M - 6885. Trong giấy mượn tiền thì các bên không ấn định thời hạn trả nợ nhưng có thỏa thuận khi nào cần tiền thì sẽ báo trước cho bên vay 01 tháng để thu xếp và trả nợ. Hai bên không thỏa thuận việc trả lãi trong giấy mượn tiền nhưng có thỏa thuận miệng với nhau là tiền lãi theo lãi suất tiền vay ngân hàng và thanh toán khi ông T và ông M yêu cầu. Tuy nhiên khi cần tiền ông T và ông M gặp, yêu cầu ông L thanh toán nợ nhưng ông L không trả.

Nay ông T, ông M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Đức L phải trả tiền nợ gốc là 75.400.000 đồng và tiền lãi tính từ tháng 4/2011 đến tháng 4/2018 là 84 tháng x 0.8%/tháng x 75.400.000 đồng = 50.000.000 đồng. Tổng cộng ông L phải thanh toán cả tiền gốc và tiền lãi là 125.400.000 đồng.

Phía nguyên đơn cho rằng ông Nguyễn Đức L vay mượn riêng nên không có yêu cầu gì đối với bà Bùi Thị T là vợ của ông L.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Đức L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã P) đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông L, bà Thúy để yêu cầu cung cấp chứng cứ, lấy lời khai và công khai chứng cứ, hòa giải nhưng ông L, bà T không có mặt, không gửi chứng cứ cũng như ý kiến của mình liên quan đến việc khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành các thủ tục để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", bị đơn có cư trú tại huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ) nên theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức L, bà Bùi Thị T Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Đối với khoản nợ gốc: Theo chứng cứ là giấy mượn lập ngày 26/4/2011 thì ông Lê Văn T, ông Phạm Văn M khẳng định đã cho ông L vay số tiền 75.400.000 đồng và ông L chưa thanh toán số tiền này, khi cho vay hai bên có lập giấy mượn tiền viết tay trong đó ông Nguyễn Đức L có ký xác nhận. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và thực hiện các thủ tục tố tụng nhưng ông L không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ, lời khai xác định hay phản đối việc vay mượn tiền, việc thanh toán với nguyên đơn. Do vậy, có căn cứ xác định ông L còn nợ ông T, ông M số tiền 75.400.000 đồng.

Đối với việc thế chấp một cuốn sổ lưu hành và giấy đăng ký xe ô tô mang BKS 53M – 6885: Tại phiên tòa người đại diện của nguyên đơn xác nhận sau khi vay tiền một thời gian thì ông L có mượn lại toàn bộ giấy tờ trên nhưng không trả lại cho nguyên đơn. Vì vậy, hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

Về yêu cầu tính lãi suất thì thấy: Theo "giấy mượn tiền" ngày 26/4/2011 các bên thỏa thuận ông L cam kết sẽ thanh toán tiền gốc và tiền lãi khi nguyên đơn yêu cầu. Như vậy xác định đây là hợp đồng vay tiền không xác định thời hạn và có thỏa thuận lãi như không xác định lãi suất cụ thể. Hợp đồng này được thực hiện trước ngày Bộ luật dân sự 2015 có hiệu lực và chưa thực hiện xong. Căn cứ vào quy định tại Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 thì áp dụng lãi suất theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

Lãi suất được tính là lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm xét xử là 9%/năm (0,75%/tháng). Theo yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ tháng 4/2011 đến tháng 4/2018 là 84 tháng x 0.8%/tháng x 75.400.000 đồng = 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xác nhận thay đổi và yêu cầu ông L trả tiền lãi từ tháng 4/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm là 90 tháng và áp dụng lãi suất 0,75%/tháng.

Cụ thể là 75.400.000 x 90 tháng x 0,75% = 50.895.000 đồng. Yêu cầu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Văn T, ông Phạm Văn M về việc buộc ông L trả tổng số tiền là 126.295.000 đồng, trong đó nợ gốc là 75.400.000 đồng và nợ lãi là 50.895.000 đồng.

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 126.295.000 đồng x 5% = 6.314.000 đồng, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T, ông Phạm Văn M về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với ông Nguyễn Đức L.

Buộc ông Nguyễn Đức L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T, ông Phạm Văn M tổng số tiền 126.295.000đ (Một trăm hai mươi sáu triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 75.400.000đ (Bảy mươi lăm triệu bốn

trăm nghìn đồng) và nợ lãi là 50.895.000đ (Năm mươi triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải thanh toán thêm số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Đức L phải chịu 6.314.000đ (Sáu triệu ba trăm mười bốn nghìn đồng).

Hoàn trả lại 3.135.000đ (Ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí cho ông Lê Văn T, ông Phạm Văn M theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002679 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành (nay là thị xã Phú Mỹ), tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Hoàng Anh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.